TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-PT
Ngày: 27/11/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho và ông Trần Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/11/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc*: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2024/QĐ-PT, ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ngân L, sinh năm 1964; Địa chỉ: 34 T, tổ 9, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 (Vắng mặt) và chị Phạm Thị S, sinh năm 1975 (Có mặt); Cùng địa chỉ: 03 N, tổ 1, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Đại diện theo ủy quyền của anh P là chị S.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L và bị đơn chị Phạm Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/3/2020, bà L cho anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị S vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 29/6/2021 âm lịch (AL) tức ngày 08/7/2021 dương lịch (DL), có giấy nhận tiền, hai bên cùng ký. Ngoài ra, hai bên có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất tính theo Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; khi cần tiền bà sẽ báo trước 01 tháng để chị S và anh P thu xếp trả nợ. Sau khi hết hạn trả nợ bà đòi nhiều lần nhưng phía bị đơn không trả.

Ngày 11/5/2020 chị S mượn bà 05 chỉ vàng, để đảo nợ ngân hàng lấy tiền trả nợ cho bà, hẹn 02 tháng sẽ trả cả vàng và tiền nhưng sau 02 tháng cũng không trả. Đến khoảng tháng 9/2020 chị S trả cho bà được 01 chỉ vàng; ngày 15/11/2021 chị S chuyển khoản trả bà 5 triệu đồng tính bằng 01 chỉ vàng; ngày 23/8/2022 anh P chuyển khoản trả 10 triệu đồng tính bằng 02 chỉ vàng; ngày 22/12/2022 chị S trả 01 chỉ vàng là hết nợ vàng nhưng do vay vàng mà trả 03 chỉ bằng tiền nên bà không xé giấy gốc vay vàng mà ghi giấy biên nhận đã trả đủ 05 chỉ vàng. Số tiền gốc vay 150.000.000 đồng phía bị đơn chưa trả bà được khoản nào nên bà vẫn còn giữ giấy nhận tiền bản gốc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 15/8/2024 là 67.350.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn P trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên về thời hạn trả chỉ ghi ngày 29/6 AL, không ghi năm vì hai bên thỏa thuận miệng mỗi tháng trả 6.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho đến khi trả xong. Giấy nhận tiền bà L nộp cho Tòa án là tự ghi ngày trả nợ 26/6/2021 AL, còn giấy chị giữ không ghi năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị S thừa nhận ngày trả nợ là ngày 29/6/2022 AL (tức ngày 27/7/2022 DL). Mức lãi suất thỏa thuận bằng tiền gửi của ngân hàng nhưng không nói ngân hàng nào mà chỉ nói tiền lãi là 11 triệu đồng/năm. Ngày 13 hàng tháng chị vẫn trả đều theo thỏa thuận là 06 triệu đồng/1 tháng. Do tin tưởng bà L nên mỗi lần trả đều ghi trong sổ của bà L, có chữ ký của chị. Chị đã trả tiền cho bà L từ tháng 3/2020 đến 23/8/2022 với tổng số tiền là 172.000.000 đồng. Trong đó tiền mặt 157.000.000 đồng, tiền chuyển khoản 2 lần là 15.000.000 đồng. Như vậy, số tiền vay anh, chị đã trả đủ gốc và lãi cho bà L. Tại phiên tòa chị thừa nhận còn 05 tháng chưa trả tiền lãi là 369.000 đồng.

Đối với 05 chỉ vàng, chị vay vàng đã trả bằng vàng, sau 02 tháng kể từ khi vay chị đã trả 04 chỉ vàng, còn 01 chỉ đến ngày 26/12/2022 đã trả đủ. Số tiền 15.000.000 đồng chuyển khoản trả vào tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, không phải như bà L trình bày quy ra vàng trả là không đúng. Do vậy, nay bà L khởi kiện, bị đơn không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền lãi của 05 tháng tính từ 13/3/2022 đến 13/8/2022, với mức lãi suất 12,3%/năm là 369.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST, ngày 16

tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L: Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị S phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Ngân L số tiền **118.801.609** đồng *(Một trăm mười tám triệu, tám trăm linh một nghìn, sáu trăm linh chín đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/8/2024 nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/8/2024 là 118.801.690đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Ngày 26/8/2024 bị đơn chị Phạm Thị S, kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện. Vì cho rằng bị đơn đã trả hết toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là 172.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận đơn kháng cáo. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn đúng quy định tại Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L và bị đơn chị Phạm Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về số tiền vay.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L, yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị S phải trả số tiền gốc vay 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 15/8/2024 là 118.801.609 đồng. Thấy rằng, anh P và chị S có vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 13/3/2020, việc vay tiền thể hiện bằng văn bản, được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, lời khai của các đương sự còn mâu thuẫn: Nguyên đơn bà L cho rằng từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả cho bà L tiền gốc và lãi. Còn bị đơn cho rằng đã trả hết nợ cho bà L số tiền 172.000.000 đồng gốc và lãi.

Xét thấy, lời khai của bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền 172.000.000 đồng gốc và lãi cho nguyên đơn, mỗi lần trả đều ghi vào sổ của nguyên đơn nhưng bà L không thừa nhận và bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Tuy nhiên, căn cứ Kết luận giám định số 2895/KL-KTHS ngày 01/7/2024 và bản dịch nội dung ghi âm kèm theo của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn bà L đã thừa nhận tại phút thứ 06:26, nguyên đơn có nói: "*Công nhận, bây giờ một trăm năm mươi triệu, hai năm giời mi trả một trăm bốn mươi lăm triệu, còn tiền lãi hay không là không ăn, để mi trả*". Đồng thời, tại phút thứ 16:04, bị đơn nói và nguyên đơn trả lời: "*Em nói này, ý là một trăm năm mươi triệu thì chị L cho vay nhưng mà ý là lâu giờ không có tiền gốc, không có gốc, em chỉ trả tiền lãi…Mi chuyển trả là tháng 6 chứ còn tháng 7 mi chưa nà, đó*". Như vậy, qua bản dịch ghi âm nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 145.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 145.000.000 đồng là tiền lãi.

[2.2] Số vàng vay.

Các đương sự đều thừa nhận vay 5 chỉ. Tuy nhiên, việc trả vàng nguyên đơn cho rằng đã trả 02 chỉ vàng và số tiền chuyển khoản 2 lần 15.000.000 đồng quy ra và

tương đương với 3 chỉ vàng nên đã trả đủ. Còn bị đơn cho rằng đã trả đủ 05 chỉ vàng theo giấy biên nhận; số tiền 15.000.000 đồng là vợ chồng chị chuyển khoản trả vào nợ gốc. Căn cứ giấy biên nhận của nguyên đơn ngày 26/12/2022 thể hiện bà L đã tự ghi và xác nhận đã nhận đủ 5 chỉ vàng, là phù hợp với lời khai của bị đơn.

Do vậy, có căn cứ xác định số tiền 15.000.000 đồng bị đơn chuyển khoản trả tiền vào ngày 15/11/2021 và ngày 22/12/2022 là chuyển trả vào số tiền nợ vay và trong tổng số tiền 145.000.000 đồng như nhận định phần [2.1].

[2.3] Về lãi suất:

Xác định thời hạn trả nợ, quá trình xét xử cấp sơ thẩm xác định thời hạn trả nợ ngày 27/7/2022 DL các đương sự không ai kháng cáo về vấn đề này nên xác định đây là ngày đến hạn trả nợ để tính lãi suất.

Về mức lãi suất: Thấy rằng, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, mức lãi suất các bên khai có sự mâu thuẫn; nguyên đơn cho rằng mức lãi suất theo Ngân hàng Đầu tư và phát triển quy định. Còn bị đơn cho rằng khi vay tiền các bên thỏa thuận mức lãi là 11 triệu/năm, sau đó tăng lên 4% là 06 triệu/ tháng; Lời khai này phù hợp với Kết luận giám định kèm bản dịch nội dung tại phút thứ 07:28, bên bị đơn nói tăng lãi 4%, nguyên đơn trả lời ừ. Như vậy, có căn cứ xác định hai bên thỏa thuận lãi suất 4%, vượt quá mức lãi suất cao nhất của BLDS quy định nên được tính lại với mức lãi là 20%/năm là có căn cứ và đúng pháp luật, cụ thể.

- Về tiền lãi trong hạn từ ngày 13/3/2020 đến 13/6/2022: 150.000.000 đồng x 20%/năm x 27 tháng = 67.500.000 đồng. Số tiền lãi bị đơn đã trả là 145.000.000 đồng – 67.500.000 đồng = 77.500.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc, cụ thể: 150.000.000 đồng - 77.500.000 đồng = **72.500.000** đồng, đây là số tiền gốc chưa trả tính đến 13/6/2022 DL

- Về tiền lãi trong hạn từ ngày 14/6/2022 DL đến 27/7/2022 DL: 72.500.000 đồng x 20%/năm x 01 tháng 13 ngày = **1.731.944 đồng**.

- Tiền lãi quá hạn tính từ 28/7/2022 DL đến ngày xét xử sơ thẩm, 15/8/2024: 72.500.000 x 2,499%/tháng x 24 tháng 18 ngày = **44.569.665** đồng.

Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn bị đơn phải trả cho bà nguyên đơn là: 72.500.000 đồng + 1.731.944 đồng + 44.569.665 đồng = **118.801.609 đồng (***Một trăm mười tám triệu, tám trăm linh một nghìn, sáu trăm linh chín đồng*).

[2.4] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L và bị đơn chị Phạm Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị S phải trả cho bà Hoàng Thị Ngân L số tiền **118.801.609** đồng *(Một trăm mười tám triệu, tám trăm linh một nghìn, sáu trăm linh chín đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chấp hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 159, 160 và 161 BLTTDS. Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L phải trả lại cho chị Phạm Thị S số tiền chi phí tố tụng là **2.813.400** đồng (*Hai triệu, tám trăm mười ba nghìn, bốn trăm đồng*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L phải chịu **4.927.419 đồng** *(Bốn triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng)* nhưng được trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 3.750.000đ (*Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0001310 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Bà Hoàng Thị Ngân L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.177.419** đồng (*Một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng*).

Bị đơn anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị S phải chịu số tiền là **5.940.000** đồng (*Năm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

+ Án phí phúc thẩm:

Buộc nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngân L phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000061 ngày 05/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, bà Hoàng Thị Ngân L đã nộp đủ.

Buộc bị đơn chị Phạm Thị S phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000151 ngày 05/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, chị Phạm Thị S đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/11/2024).

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- TAND TP. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Vân (Đã ký)